

Bản án số: 28/2018/DS-ST
Ngày 05-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Nguyễn Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị C; địa chỉ: Thôn 9, xã Lại X, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn Th; địa tại: Thôn 10 xã Lại X, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị C:* Ông Bùi Thanh X; địa chỉ: Thôn 9, xã Lại X, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị C trình bày:

Bà C và ông Phùng Văn Th có quan hệ họ hàng. Bà C có cho ông Th vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất vay thỏa thuận là 4.000.000 đồng/tháng.

Quá trình vay ông Th đã nhận đủ tiền và đã thanh toán trả lãi cho bà, cụ thể: Từ ngày 12/5/2013 đến ngày 12/7/2013 bằng $2 \text{ tháng} \times 4.000.000 \text{ đồng/tháng} = 8.000.000 \text{ đồng}$. Sau đó ông Th không tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi cho bà C. Việc thanh toán tiền lãi do ông Th giao nhận trực tiếp với bà C, không ghi vào sổ sách và cũng không có ai chứng kiến, việc vay tiền bà C chỉ cho một mình ông Th vay.

Ông Th còn nợ bà C số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và số tiền nợ lãi từ 13/7/2013 cho đến nay. Bà C đã nhiều lần yêu cầu ông Th thanh toán khoản nợ vay nêu trên nhưng ông Th không trả.

Tại phiên tòa bà C yêu cầu Tòa án buộc ông Th phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm trên số nợ gốc với lãi suất là 9%/năm, đồng thời bà C cũng đồng ý tính lại số tiền lãi mà ông Th đã trả cho vợ chồng bà theo lãi suất 9%/năm để đối trừ với số tiền mà ông Th còn nợ.

Ông Phùng Văn Th là bị đơn đã được Tòa tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đến ngày xét xử lần thứ hai ông Th vẫn không có mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có lời khai trong hồ sơ thể hiện:

Ông Th thừa nhận có vay tiền của bà Hoàng Thị C như lời trình bày của bà C là đúng. Ông Th đã vay tiền của bà C số tiền 100.000.000 đồng và việc ông Th vay tiền của bà C là một mình ông Th vay, không liên quan đến ai. Số tiền nợ gốc, ông chưa trả được cho bà C. Tiền lãi theo hai bên thỏa thuận là 4.000.0000 đồng/tháng đã được ông thanh toán trực tiếp cho bà C đến hết tháng 12 năm 2016. Việc ông Th trả lãi cho bà C không ghi giấy tờ xác nhận và không có ai chứng kiến. Đối với yêu cầu trả nợ của bà C, ông Th có ý kiến đồng ý có trách nhiệm thanh toán số tiền 100.000.000 đồng tiền nợ gốc cho bà C và đồng ý tính lại tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm theo như đề nghị của bà C tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và đối trừ với số tiền lãi mà ông đã thanh toán cho bà C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thanh X đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và không đưa ra yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 357; Điều 468; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 9%/năm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ vay tiền và phát sinh tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Ông Phùng Văn Th đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phùng Văn Th.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Phùng Văn Th:

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp như giấy vay tiền, giấy trả tiền, lời khai của các bên đương sự cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn là bà Hoàng Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thanh X nêu có cho bị đơn là ông Phùng Văn Th vay số tiền là 100.000.000 đồng và còn nợ số tiền gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 100.000.000 đồng. Việc vay tiền bà C chỉ cho ông Th vay còn không liên quan đến ai khác. Bị đơn là ông Phùng Văn Th thừa nhận số tiền nợ gốc như bà C và ông X đã nêu là đúng và không có ý kiến nào khác. Căn cứ điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử công nhận việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng.

[2.2] Đối với số tiền nợ lãi: Nguyên đơn là bà Hoàng Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thanh X khai bị đơn là ông Phùng Văn Th đã thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận là 4.000.000 đồng/ tháng đến tháng 7 năm 2013 thì không trả nữa. Cụ thể, ông Th đã trả lãi 2 tháng từ ngày 12/5/2013 đến ngày 12/7/2013 bằng 2 tháng x 4.000.000 đồng/tháng = 8.000.000 đồng; Việc trả lãi ông Th trả trực tiếp cho bà C, không ghi giấy tờ sổ sách và không có ai chứng kiến, không có chứng cứ, tài liệu gì chứng minh.

Bị đơn ông Phùng Văn Th khai đã trả lãi theo mức lãi suất 4.000.000 đồng/tháng đến tháng 12/2016, việc trả lãi ông Th trả trực tiếp cho bà C, không ghi giấy tờ sổ sách và không có ai chứng kiến, không có chứng cứ, tài liệu gì chứng minh.

Như vậy các bên đương sự đều không đưa ra được căn cứ chứng minh cho thời điểm bị đơn thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn. Căn cứ vào lời khai nhận của các bên hội đồng xét xử chấp nhận việc bị đơn đã thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn theo như lời thừa nhận của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận ông Th đã trả được 8.000.000 đồng tiền lãi.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Bà Hoàng Thị C và ông Bùi Thanh X đề nghị Tòa án tính lại lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm đối với khoản tiền cho ông Th vay tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và đối trừ với phần tiền lãi mà ông Th đã trả. Phần còn lại buộc ông Th phải có trách nhiệm trả cho bà C, ông X. Bị đơn là ông Phùng Văn Th cũng có lời khai thể hiện đề nghị Tòa án tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật và đồng ý với mức lãi suất 9%/năm mà bà C và ông X đưa ra.

Hội đồng xét xử xét: Các bên đương sự đều thừa nhận mức lãi suất vay theo thỏa thuận là 4.000.000/tháng = 2,5%/ tháng. Tuy nhiên, tại thời điểm vay của khoản vay là ngày 12/5/2013 thì mức lãi suất này đã vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị hội đồng xét xử tính lãi suất trên số tiền nợ gốc là 9%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn cũng có ý kiến đồng ý. Căn cứ quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là bà Hoàng Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thanh X với mức lãi suất 9%/năm và ý kiến đồng ý của bị đơn là ông Phùng Văn Th phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích như trên, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Phùng Văn Th phải trả cho bà Hoàng Thị C tổng số tiền nợ cụ thể:

- Tiền nợ gốc: 100.000.0000 đồng;
- Tiền nợ lãi được tính lại như sau:
 - + Tiền lãi ông Phùng Văn Th đã trả: Từ ngày 12/5/2013 đến ngày 12/7/2013 bằng 2 tháng x 4.000.000 đồng/tháng = 8.000.000 đồng.
 - + Tiền lãi tính lại theo mức lãi suất 9%/năm:
 - * Tính từ ngày 13/5/2013 đến ngày 05/10/2018 bằng 5 năm 4 tháng 22 ngày, cụ thể: 5 năm 4 tháng 22 ngày x 750.000đồng (9%/năm = 0,75%/tháng/100.000.000 đồng = 750.000 đồng/tháng) = 48.550.000 đồng.

Số tiền lãi ông Phùng Văn Th phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 48.550.000 đồng. Đối trừ với số tiền lãi ông Th đã trả cho bà C là 8.000.000 đồng, số tiền lãi còn phải trả là: 48.550.000 đồng – 8.000.000 đồng = 40.550.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền ông Phùng Văn Th phải trả cho bà Hoàng Thị C là 100.000.000 đồng tiền gốc và 40.550.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là: 140.550.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị C: Buộc ông Phùng Văn Th phải trả nợ cho bà Hoàng Thị C tổng số tiền tính đến ngày 05 tháng 10 năm 2018 là 140.550.000 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi là 40.550.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phùng Văn Th phải nộp 7.027.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Hoàng Thị C số tiền 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0008792 ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ.....phút ngày 16 tháng 05 năm 2018.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thúy Mỡ

Ông Bùi Đức Khoa

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 148/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “hợp đồng tín dụng” giữa:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng; Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ree, số 9, Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn Phong, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 16A/119 Trung Hành, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 94/UQTT-QTRR.17 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng), có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Tình, sinh năm 1993; Cư trú tại: Thôn 1, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1.Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 122, Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc mà anh Phạm Văn Tình phải trả tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 16/5/2018.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, buộc anh Phạm Văn Tình phải trả nợ cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng số tiền tính đến ngày 16 tháng 5 năm 2018 là 27.893.960 đồng.

Anh Phạm Văn Tình vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 17/5/2018 theo mức lãi suất quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160218-133021-0687 ngày 18/2/2016 được ký giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và anh Phạm Văn Tình cho đến khi thanh toán hết khoản nợ .

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Văn Tình phải nộp 1.394.698 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng số tiền 1.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0008584 ngày 19 tháng 12 năm 2017.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....phút ngày 16 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất C thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thúy Mỡ – Bùi Đức Khoa

Khúc Trọng Quang

